

QUY ĐỊNH

Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên Trường Đại học Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHP

Ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Hải Phòng (sau đây gọi chung là Quy định rèn luyện) bao gồm: Khung điểm và các tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện; phân loại kết quả đánh giá và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá; tổ chức thực hiện.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Hải Phòng.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại Quy định này; đảm bảo tính khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của sinh viên.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

a) Ý thức tham gia học tập;

b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;

c) Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội;

d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;

đ) Ý thức, kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng căn cứ vào đặc điểm, điều kiện cụ thể của nhà trường quy định các tiêu chí và mức điểm chi tiết phù hợp với các nội dung đánh giá nhưng không được vượt quá khung điểm quy định của Quy định này.

CHƯƠNG II

KHUNG ĐIỂM VÀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 4. Khung điểm đánh giá:

TT	Nội dung đánh giá	Khung điểm
1	Đánh giá về ý thức và thái độ trong học tập	0 - 20 điểm
2	Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường	0 - 25 điểm
3	Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	0 - 20 điểm
4	Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng	0 - 25 điểm
5	Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, các tổ chức chính thống trong nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện	0 - 10 điểm

Điều 5. Các tiêu chí đánh giá chi tiết và mức điểm

Nội dung đánh giá					Điểm tối đa
1. Ý thức tham gia học tập:					0-20 điểm
- Có ý thức tốt, đi học đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học, không vi phạm quy chế, quy định học tập, thi cử.					10 điểm
- Điểm Trung bình chung học kỳ					6 điểm
Yếu, kém < 2,0 0	Trung bình 2,00-2,49 3	Khá 2,5-3,19 4	Giỏi 3,20-3,59 5	Xuất sắc 3,60-4,00 6	
- Có đề tài tham gia NCKH, bài báo khoa học, tham luận, báo cáo, tham dự các cuộc thi Olympic, hội thi mang tính học thuật... + Cấp khoa: + 2 điểm/đề tài, bài viết hoặc cuộc thi... + Cấp trường: +3 điểm/đề tài, bài viết hoặc cuộc thi... + Cấp thành phố trở lên: +4 điểm/ đề tài, bài viết hoặc cuộc thi...					3 điểm
- Nghỉ học, nghỉ thực tập không lí do quá 15% số tiết quy định					-5 điểm/học phần
- Vi phạm quy chế thi, kiểm tra trong các kỳ thi bị xử lý kỷ luật: (Khiển trách: - 3 điểm, cảnh cáo: - 5 điểm, đình chỉ thi: - 10 điểm)					- 10 điểm/lần
- Không đủ điều kiện thi kết thúc học kỳ					- 10 điểm
2. Ý thức chấp hành nội quy, quy chế quy định trong nhà trường:					0-25 điểm
- Chấp hành đúng các quy chế công tác HSSV, quy chế nội trú, ngoại trú và các quy chế, quy định khác được áp dụng trong trường, không bị kỷ luật dưới bất kỳ hình thức nào về việc vi phạm các nội quy, quy chế nhà trường.					15 điểm
- Phát hiện, báo cáo kịp thời với khoa, trường những việc làm vi phạm nội quy, quy chế của nhà trường: gian lận trong thi cử, học tập; đua xe, mê tín dị đoan, cờ bạc, cá độ, truyền đạo trái phép, lưu hành, tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy, phản động,...					2 điểm
- Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi sinh hoạt, hoạt động của lớp (Không tham gia: -2 điểm/lần)					8 điểm

- Bị nhắc nhở vì vi phạm nội quy, quy chế, quy định của nhà trường, khoa, viện và của lớp nhưng chưa đến mức bị kỷ luật.	- 5 điểm/lần
- Vi phạm nội quy, quy chế, quy định của nhà trường bị xử lý kỷ luật (Mức khiển trách:-5 điểm/lần; mức cảnh cáo:-10 điểm/lần)	-10 điểm
3. Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.	0-20 điểm
- Tham gia học tập đầy đủ, nghiêm túc các đợt sinh hoạt chính trị xã hội: “Tuần sinh hoạt Công dân sinh viên”, các buổi chào cờ đầu tháng, các chương trình, hoạt động ngoại khóa; các cuộc thi, hội diễn văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; các hoạt động đấu tranh, ngăn chặn phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội,...khi được khoa, trường điều động. (Tự ý bỏ không tham gia: - 5 điểm/lần)	15 điểm
- Là thành viên trong các câu lạc bộ, đội nhóm, sinh viên tình nguyện tham gia hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên hoặc của các đơn vị hoặc các tổ chức chính thống trong hoặc ngoài nhà trường.	5 điểm
- Có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến công tác tổ chức các hoạt động, phong trào của nhà trường, khoa, viện (<i>tuyên truyền sai lệch nội dung các hoạt động, chỉ đạo của nhà trường; tham gia các hoạt động nhưng tự ý bỏ cuộc hoặc tham gia nhưng không chấp hành các quy định của hoạt động; có hành vi gian lận trong các cuộc thi, hội thi; hoặc có các hành vi gây ảnh hưởng xấu khác</i>): (Tùy theo tính chất vi phạm trừ điểm RL từ 5 - 10 điểm/lần)	-10 điểm/lần
- Tham gia vào các tệ nạn xã hội (<i>đua xe, chơi cờ bạc, tàng trữ lưu hành các sản phẩm văn hóa đồi trụy, phản động, mê tín dị đoan, hoạt động tôn giáo trái phép,..</i>), có hành vi che giấu không tố giác các tệ nạn xã hội hoặc lôi kéo người khác tham gia tệ nạn xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.	- 10 điểm/lần
4. Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng:	0-25 điểm
- Chấp hành tốt và tích cực tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong và ngoài nhà trường.	10 điểm
- Chấp hành tốt các quy định ở nơi cư trú; tích cực tham gia phong trào tự quản, tôn trọng, lễ phép xây dựng nếp sống văn hóa ở địa phương nơi cư trú.	5 điểm
- Có quan hệ đúng mực; có tinh thần đoàn kết tương thân tương ái giúp đỡ bạn bè trong trường, lớp.	5 điểm
- Được nhận Giấy chứng nhận của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên hoặc các đơn vị, tổ chức xã hội hợp pháp công nhận về việc tham gia hoạt động cộng đồng, công tác Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên (<i>tham gia giúp đỡ cộng đồng lúc thiên tai hỏa hoạn, có hành động dũng cảm cứu người, chia sẻ, giúp đỡ người khó khăn hoạn nạn, hoạt động tình nguyện,...</i>)	5 điểm
- Có hành vi vi phạm nội quy, quy định trong cộng đồng dân cư nơi cư trú, tạm trú bị chính quyền địa phương nơi cư trú nhắc nhở, phê bình. (Tùy hình thức vi phạm trừ từ 5 -10 điểm/lần).	-10 điểm/lần
- Vi phạm Luật An toàn giao thông, bị cơ quan công an gửi giấy thông báo phạt về trường.	-5 điểm/lần

5. Ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc người học đạt được thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện.	0-10 điểm
- Là cán bộ lớp cố định, lớp trưởng lớp học phân, ủy viên BCH chi đoàn, chi hội sinh viên, ủy viên ban chỉ ủy chi bộ sinh viên.	3 điểm
- Tập thể lớp do cá nhân sinh viên phụ trách được công nhận danh hiệu: “Tập thể tiên tiến”: + 1 điểm, “Tập thể xuất sắc”: +2 điểm.	2 điểm
- Sinh viên được tặng thưởng danh hiệu Gương mặt sinh viên tiêu biểu năm học, Sinh viên “5 tốt” cấp trường.	5 điểm

Điều 6. Các trường hợp được cộng điểm rèn luyện vượt khung điểm đánh giá

Cá nhân sinh viên được cộng tối đa 10 điểm vào tổng điểm rèn luyện trong các trường hợp sau:

- Cá nhân sinh viên được biểu dương, khen thưởng hoặc cấp giấy chứng nhận từ cấp thành phố trở lên về công tác “Vì An ninh Tổ quốc”; danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”, giải thưởng “Sao Tháng Giêng” hoặc các hoạt động cộng đồng, hoạt động Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên... từ cấp thành phố trở lên: + 10 điểm.

- Cá nhân sinh viên đạt giải thưởng có giấy khen, bằng khen, huy chương về việc tham gia NCKH, thi Olympic, hội thi mang tính học thuật, hoạt động thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ, được cộng tối đa 10 điểm vào tổng điểm rèn luyện, mức điểm thưởng cụ thể như sau:

+ Cấp khoa: Giải nhất: + 4 điểm, giải nhì: +3 điểm, giải ba: +2 điểm

+ Cấp trường: Giải nhất: + 6 điểm, giải nhì: +5 điểm, giải ba: +4 điểm

+ Cấp thành phố trở lên: Giải nhất (huy chương vàng): + 10 điểm, giải nhì (huy chương bạc): +9 điểm, giải ba (huy chương đồng): +8 điểm, giải khuyến khích: +7 điểm.

Sinh viên đồng thời đạt điểm thưởng nhiều mức khác nhau trong cùng một tiêu chí chỉ được hưởng một mức điểm thưởng cao nhất.

- Trường hợp khi cộng điểm mà tổng điểm vượt quá 100 điểm thì vẫn tính là 100 điểm.

CHƯƠNG III

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 7. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;

b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;

c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;

d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;

d) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;

e) Dưới 35 điểm: loại kém.

Điều 8. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.

2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

3. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp. Đối với trường hợp sinh viên đã hoàn thành chương trình học nhưng tốt nghiệp chậm do ý thức kém, kết quả học tập không đủ điều kiện xét tốt nghiệp thì sẽ bị trừ 05 điểm/ 01 học kỳ chậm tiến độ trong điểm rèn luyện toàn khóa.

6. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc mồ côi cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận tại địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được Hội đồng xem xét ưu tiên, khuyến khích cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

7. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

8. Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ được tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

9. Sinh viên chuyển trường từ trường khác đến được bảo lưu kết quả rèn luyện của trường cũ khi học tập tại trường và được tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện ở học kỳ tiếp theo.

Điều 9. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Sinh viên thực hiện việc tự đánh giá kết quả rèn luyện của mình trên hệ thống quản lý sinh viên trường Đại học Hải Phòng theo các tiêu chí và mức điểm chi tiết quy định trong Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên được cập nhật trên hệ thống (***mẫu phiếu đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên theo phụ lục I***).

2. Tổ chức họp lớp tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên, cụ thể:

a) Thành phần:

- Chủ trì: Cố vấn học tập
- Thành phần: Toàn thể sinh viên lớp cố định.
- Thư ký: Lớp trưởng hoặc lớp phó.

b) Nội dung:

- Nhận xét ý thức tham gia các hoạt động, sinh hoạt lớp, ý thức chấp hành các quy chế quy định, ý thức quan hệ cộng đồng của sinh viên.

- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung cộng hoặc trừ điểm rèn luyện trong bảng tự đánh giá kết quả của sinh viên trên cơ sở nhận xét của toàn thể sinh viên trong lớp và những minh chứng xác nhận.

- Thông qua kết quả đánh giá rèn luyện của từng sinh viên trong lớp trên cơ sở kết quả rèn luyện do sinh viên tự đánh giá và những điều chỉnh, bổ sung tại buổi sinh hoạt. Kết quả phải được quá nửa ý kiến đồng ý của các sinh viên tham dự buổi họp mới được công nhận.

c) Hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện của lớp gồm:

- Bảng tổng hợp kết quả điểm rèn luyện của sinh viên trong lớp (**mẫu bảng tổng hợp kết quả rèn luyện theo phụ lục II**);

- Biên bản cuộc họp trong đó tổng hợp kết quả đề nghị điều chỉnh, bổ sung kết quả rèn luyện của sinh viên theo kết luận của buổi họp (**mẫu biên bản cuộc họp theo phụ lục III**);

- Các minh chứng xác nhận thành tích để cộng điểm rèn luyện của sinh viên.

Cố vấn học tập ký xác nhận toàn bộ hồ sơ đánh giá kết quả học tập của lớp và chuyển về Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa, viện đào tạo (sau đây gọi tắt là Hội đồng đánh giá cấp khoa).

3. Hội đồng đánh giá cấp khoa họp xét, thống nhất báo cáo trưởng khoa và trình bảng kết quả rèn luyện sinh viên toàn khoa (**mẫu bảng theo phụ lục IV**) lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng đánh giá cấp trường). Thường trực Hội đồng cấp trường tổng hợp kết quả và trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả.

4. Kết quả đánh giá, phân loại kết quả rèn luyện của sinh viên phải được công bố công khai trên hệ thống quản lý đào tạo và thông báo cho sinh viên biết trước khi ban hành quyết định chính thức tối đa là 10 ngày. Nếu có thắc mắc, khiếu nại Hội đồng cấp trường sẽ xem xét và chỉ đạo giải quyết.

Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được thực hiện và quản lý kết quả trên hệ thống quản lý đào tạo Trường Đại học Hải Phòng.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 10. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên. Hội đồng chấm dứt hoạt động sau khi ban hành Quyết định chính thức công nhận kết quả của sinh viên.

2. Hội đồng đánh giá cấp trường

a) Thành phần Hội đồng cấp trường bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Chính trị Công tác Học sinh - sinh viên.

- Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng (ban) có liên quan, đại diện Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Trường.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá cấp trường

- Tư vấn, giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Hội đồng đánh giá cấp khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

3. Hội đồng đánh giá cấp khoa

a) Thành phần Hội đồng đánh giá cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền.

- Các ủy viên: Giáo vụ khoa, cố vấn học tập; đại diện Liên chi Đoàn, Chi hội hoặc Liên chi hội HSSV, đại diện Ban cán sự lớp.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá cấp khoa:

Xem xét, kiểm tra, đánh giá kết quả do sinh viên tự đánh giá đã được tập thể lớp thông qua, trình Trưởng khoa ra quyết định công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

Điều 11. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học. Nội dung đánh giá kết quả rèn luyện của học kỳ nào chỉ được sử dụng để đánh giá kết quả rèn luyện cho học kỳ đó.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của các nội dung đánh giá chi tiết theo quy định của trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 12. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường, được sử dụng trong việc xét làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp, xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá và các ưu tiên khác theo Quy định của Hiệu trưởng.

2. Kết quả đánh giá kết quả rèn luyện toàn khóa học được ghi vào hồ sơ tốt nghiệp của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 13. Quyền khiếu nại

Sinh viên nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác thì có quyền khiếu nại lên các phòng, ban chức năng hoặc Hiệu trưởng. Khi nhận được đơn khiếu nại, nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản áp dụng

1. Phòng Chính trị - Công tác Học sinh, Sinh viên là đơn vị thường trực, chủ trì tổ chức các hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện của toàn bộ sinh viên chính quy Trường Đại học Hải Phòng.

2. Các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Phòng Chính trị - Công tác Học sinh, Sinh viên trong việc thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên.

3. Phòng Chính trị - Công tác Học sinh, Sinh viên tham mưu Hiệu trưởng xem xét quyết định đối với các trường hợp đặc biệt (nếu có).

4. Kết quả thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện của các đơn vị và của cố vấn học tập các lớp sinh viên là một trong những tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của cố vấn học tập.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy định đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 40/QĐ - CTSV ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị gửi ý kiến về Phòng Chính trị - Công tác Học sinh, Sinh viên để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục I

Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên

(Kèm theo Quy định đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên Trường Đại học Hải Phòng)

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN HỌC KỲ.....NĂM HỌC.....

Họ và tên sinh viên:..... Mã sinh viên:.....

Lớp:..... Khóa:.....

Nội dung đánh giá					Điểm tối đa	SV Tự đánh giá	Lớp đánh giá
1. Ý thức tham gia học tập:					0-20 điểm		
- Có ý thức tốt, đi học đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học, không vi phạm quy chế, quy định học tập, thi cử.					10đ		
- Điểm trung bình chung học kỳ					6đ		
Yếu, kém < 2,0	TB 2,00-2,49	Khá 2,5-3,19	Giỏi 3,20-3,59	Xuất sắc 3,60-4,00			
0	3	4	5	6			
- Có đề tài tham gia NCKH, bài báo khoa học, tham luận, báo cáo, tham dự các cuộc thi Olympic, hội thi mang tính học thuật... + Cấp khoa: + 2đ/đề tài, bài viết hoặc cuộc thi... + Cấp trường: +3đ/đề tài, bài viết hoặc cuộc thi... + Cấp thành phố trở lên: +4đ/ đề tài, bài viết hoặc cuộc thi..					3đ		
- Nghi học, nghỉ thực tập không lí do quá 15% số tiết quy định					-5đ/học phần		
- Vi phạm quy chế thi, kiểm tra trong các kỳ thi bị xử lý kỷ luật: (Khiển trách: - 3đ, cảnh cáo: -5đ, đình chỉ thi: - 10đ)					- 10đ/lần		
- Không đủ điều kiện thi kết thúc học kỳ					- 10đ		
2. Ý thức chấp hành nội quy, quy chế quy định trong nhà trường:					0-25 điểm		
- Chấp hành đúng các quy chế công tác HSSV, quy chế nội trú, ngoại trú và các quy chế, quy định khác được áp dụng trong trường, không bị kỷ luật dưới bất kỳ hình thức nào về việc vi phạm các nội quy, quy chế nhà trường.					15đ		
- Phát hiện, báo cáo kịp thời với Khoa, Trường những việc làm vi phạm nội quy, quy chế của nhà trường: gian lận trong thi cử, học tập; đua xe, mê tín dị đoan, cờ bạc, cá độ, truyền đạo trái phép, lưu hành, tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy, phản động,...					2đ		
- Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi sinh hoạt, hoạt động của lớp (Không tham gia: -2đ/lần)					8đ		
- Bị nhắc nhở vì vi phạm nội quy, quy chế, quy định của nhà trường, khoa, viện và của lớp nhưng chưa đến mức bị kỷ luật.					- 5đ/lần		
- Vi phạm nội quy, quy chế, quy định của nhà trường bị xử lý kỷ luật (Mức khiển trách:-5đ/lần; mức cảnh cáo:-10đ/lần)					-10đ		
3. Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.					0-20 điểm		
- Tham gia học tập đầy đủ, nghiêm túc các đợt sinh hoạt chính trị xã hội: “Tuần sinh hoạt Công dân sinh viên”, các buổi chào cờ đầu tháng, các chương trình, hoạt động ngoại khóa; các cuộc thi, hội diễn văn					15đ		

hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; các hoạt động đấu tranh, ngăn chặn phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội,...khi được khoa, trường điều động. (Tự ý bỏ không tham gia: - 5đ/lần)			
- Là thành viên trong các câu lạc bộ, đội nhóm, sinh viên tình nguyện tham gia hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức chính thống trong hoặc ngoài nhà trường.	5đ		
- Có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến công tác tổ chức các hoạt động, phong trào của Nhà trường, khoa, viện (<i>tuyên truyền sai lệch nội dung các hoạt động, chỉ đạo của nhà trường; tham gia các hoạt động nhưng tự ý bỏ cuộc hoặc tham gia nhưng không chấp hành các quy định của hoạt động; có hành vi gian lận trong các cuộc thi, hội thi; hoặc có các hành vi gây ảnh hưởng xấu khác</i>): (Tùy theo tính chất vi phạm trừ điểm RL từ 5đ – 10đ/lần)	-10đ/lần		
- Tham gia vào các tệ nạn xã hội (<i>đua xe, chơi cờ bạc, tàng trữ lưu hành các sản phẩm văn hóa đồi trụy, phản động, mê tín dị đoan, hoạt động tôn giáo trái phép...</i>), có hành vi che giấu không tố giác các tệ nạn xã hội hoặc lôi kéo người khác tham gia tệ nạn xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.	- 10đ/lần		
4. Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng:	0-25điểm		
- Chấp hành tốt và tích cực tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong và ngoài nhà trường.	10đ		
- Chấp hành tốt các quy định ở nơi cư trú; tích cực tham gia phong trào tự quản, tôn trọng, lễ phép xây dựng nếp sống văn hóa ở địa phương nơi cư trú.	5đ		
- Có quan hệ đúng mực; có tinh thần đoàn kết tương thân tương ái giúp đỡ bạn bè trong trường, lớp.	5đ		
- Được nhận Giấy chứng nhận của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên hoặc các đơn vị, tổ chức xã hội hợp pháp công nhận về việc tham gia hoạt động cộng đồng, công tác Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên (<i>tham gia giúp đỡ cộng đồng lúc thiên tai hỏa hoạn, có hành động dũng cảm cứu người, chia sẻ, giúp đỡ người khó khăn hoạn nạn, hoạt động tình nguyện...</i>)	5đ		
- Có hành vi vi phạm nội quy, quy định trong cộng đồng dân cư nơi cư trú, tạm trú bị chính quyền địa phương nơi cư trú nhắc nhở, phê bình. (Tùy hình thức vi phạm trừ từ 5 điểm -10 điểm/lần).	-10đ/lần		
- Vi phạm Luật An toàn giao thông, bị cơ quan công an gửi giấy thông báo phạt về trường.	-5đ/lần		
5. Ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc người học đạt được thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện.	0-10điểm		
- Là cán bộ lớp cố định, lớp trưởng lớp học phân, ủy viên BCH chi đoàn, chi hội sinh viên, ủy viên ban chi ủy chi bộ sinh viên.	3đ		
- Tập thể lớp do cá nhân sinh viên phụ trách được công nhận danh hiệu: “Tập thể tiên tiến”: + 1đ, “Tập thể xuất sắc”: +2đ.	2đ		
- Sinh viên được tặng thưởng danh hiệu gương mặt sinh viên tiêu biểu năm học, Sinh viên “5 tốt” cấp trường.	5đ		

6. Điểm thưởng.	10 điểm	
<p>- Được biểu dương, khen thưởng cấp giấy chứng nhận từ cấp thành phố trở lên về công tác vì An ninh Tổ quốc; danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”, giải thưởng “Sao Tháng Giêng” hoặc các hoạt động cộng đồng, hoạt động Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên... từ cấp thành phố trở lên: + 10 đ</p> <p>- Đạt giải thưởng có giấy khen, bằng khen, huy chương về việc tham gia NCKH, thi Olympic, hội thi mang tính học thuật, hoạt động thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ.</p> <p>Cấp khoa: Nhất+ 4đ, nhì:+3đ, ba:+2đ</p> <p>Cấp trường: Nhất+ 6đ, nhì: +5đ, ba:+4đ</p> <p>Cấp thành phố trở lên: Nhất(HCV):+ 10đ, nhì(HCB):+9đ, ba(HCD):+8đ, KK:+7đ</p>	10 điểm	
Tổng điểm	100	

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm.....

Sinh viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Nếu cộng điểm mà tổng điểm vượt quá 100 điểm thì vẫn tính là 100 điểm.
- Sinh viên đồng thời đạt điểm thưởng nhiều mức khác nhau trong cùng một tiêu chí chỉ được hưởng một mức điểm thưởng cao nhất.
- Đối với trường hợp sinh viên đã hoàn thành chương trình học nhưng tốt nghiệp chậm do ý thức kém, kết quả học tập không đủ điều kiện tốt nghiệp: trừ 05 điểm rèn luyện toàn khóa học / 01 học kỳ chậm tiến độ.

Phụ lục II
Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện của lớp
(Kèm theo Quy định đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên Trường Đại học Hải Phòng)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG
 Khoa:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN LỚP:.....

TT	Họ và tên	Điểm các mặt						Tổng điểm do SV tự đánh giá	Điểm do lớp thông qua
		1 (0-20đ)	2 (0-25đ)	3 (0-20đ)	4 (0-25đ)	5 (0-10đ)	6 (0-10đ)		

Tổng số sinh viên trong lớp:.....
 Số sinh viên được đánh giá:.....(Xếp loại: Xuất sắc:....., Giỏi:....., Khá:....., TB:....., yếu:.....)
 Số sinh viên không được đánh giá:.....(Lí do:.....)
GV CỔ VẤN HỌC TẬP BÍ THƯ CHI ĐOÀN LỚP TRƯỞNG

Phụ lục III
Biên bản cuộc họp xét điểm rèn luyện sinh viên của lớp
(Kèm theo Quy định đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên Trường Đại học Hải Phòng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN CUỘC HỌP
Xét điểm rèn luyện sinh viên lớp.....

Thời gian bắt đầu :

Địa điểm :

1) Thành phần tham dự:

+ Chủ trì cuộc họp : Chức vụ : Cố vấn học tập

+ Thư ký: Chức vụ :

+ Tổng số sinh viên theo sĩ số lớp:..... Có mặt:.....;

+ Vắng mặt:.....; Tên người vắng mặt:

2) Nội dung:

a) Nhận xét ý thức tham gia các hoạt động, sinh hoạt lớp, ý thức chấp hành các quy chế, quy định, ý thức quan hệ cộng đồng của sinh viên.

b) Xem xét, điều chỉnh bổ sung cộng hoặc trừ kết quả đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong lớp căn cứ trên kết quả tự đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên.

Danh sách sinh viên nằm trong diện điều chỉnh điểm (*cộng điểm hoặc trừ điểm*):

TT	Họ tên	Nội dung điều chỉnh điểm	Số điểm điều chỉnh

Danh sách sinh viên đề nghị xét cộng điểm thưởng (*ghi rõ thành tích, đính kèm minh chứng*):

TT	Họ tên	Nội dung cộng điểm	Số điểm

Biên bản này đã được thông qua và có% các thành viên dự họp đều nhất trí.

Cuộc họp kết thúc lúc giờ.....phút cùng ngày./.

THƯ KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỌA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV

Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện sinh viên toàn khoa

(Kèm theo Quy định đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên Trường Đại học Hải Phòng)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG
Khoa:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN TOÀN KHOA

TT	Họ và tên	Lớp	Điểm RL do lớp thông qua	Điểm kết luận của HĐ Khoa	Ghi chú

TRƯỞNG KHOA